

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 48/2025/DS-ST

Ngày: 01 – 4 - 2025.

Về: “*Tranh chấp, hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm;

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**
Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1284/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXX-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa 104/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Tường V, sinh năm: 1978; địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc A, sinh năm: 1978; địa chỉ cư trú: Số A, 3 T, phường A, thành phố T, tỉnh Long An, theo Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2024 của Văn phòng C.

Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm: 1975 – bà Đinh Thị Thanh T1, sinh năm: 1972; cùng địa chỉ cư trú: Số A, khóm T3, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

(*Tại phiên tòa có mặt bà V, những người còn lại vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19/7/2024 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Hà Thị Tường V và ông Nguyễn Quốc A – đại diện theo ủy quyền cho bà V trình bày:

Do chỗ quen biết, nên tháng 12/2020 (không nhớ ngày) bà cho vợ chồng ông Phan Văn T – bà Đinh Thị Thanh T1 vay 100.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng và hẹn trong thời hạn 02 năm hoàn trả, với thỏa thuận lãi suất 6% tháng. Sau khi vay ông T – bà T1 có trả lãi nhưng không liên tục đến tháng 9/2023 thì ngưng, được số tiền bao nhiêu thì không nhớ. Đến trước tết nguyên đán 2024 hai bên thỏa thuận tiền lãi chưa trả là 40.000.000 đồng cộng vào vốn thành 140.000.000 đồng và cam kết đến ngày 30/3/2024 trả, nhưng cuối cùng ông T – bà T1 không thực hiện. Nay bà yêu cầu ông T – bà T1 phải trả ngay 140.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày nộp đơn (22/7/2024) đến khi xét xử.

Tại biên bản lời khai ngày 12/11/2024, bà Đinh Thị Thanh T1 trình bày:

Bà là vợ ông Phan Văn T, thừa nhận chữ ký trong Tờ cam kết đến ngày 30/3/2024 trả cho bà V 140.000.000 đồng có chứng kiến của ông Nguyễn Trung N là của vợ chồng bà, nhưng ký vào ngày 05/02/2024 (nhằm ngày 26/12/2024), với nội dung là trước đây: Ngày 11/02/2020 bà có vay của bà V 100.000.000 đồng để kinh doanh với thỏa thuận lãi suất 6% tháng, sau khi vay vợ chồng bà có trả lãi cho bà V liên tục đến tháng 9/2023 thì ngưng, sau đó bà V ép vợ chồng bà ký cam kết đến ngày 30/3/2024 trả dứt 140.000.000 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng tiền lãi chưa trả từ tháng 9/2023 đến 03/3/2024. Nay do trả lãi đã nhiều, nên không đồng ý trả nợ còn lại cho bà V.

Tòa án tổng đạt thông báo hợp lệ cho ông Phan Văn T để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà Vi R lại yêu cầu tính lãi, riêng về vốn bà yêu cầu trả 100.000.000 đồng.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ Giấy cam kết đến ngày 30/3/2024 trả nợ cho bà V 140.000.000 đồng, nhưng ông T – bà T1 không thực hiện nên bà V khởi kiện là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Vi R lại yêu cầu lãi chỉ yêu cầu trả vốn 100.000.000 đồng. Xét bà Vi rút một phần yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật, đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục: Ông Phan Văn T – bà Đinh Thị Thanh T1 được triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông T – bà T1 theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Cho rằng tài sản của mình cho ông T – bà T1 vay nhưng ông bà không trả, căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu - Thẩm quyền: Theo Giấy cam kết đến ngày 30/3/2024 ông T2 – bà T1 trả nợ cho bà V, nhưng đúng ngày ông T – bà T1 không thực hiện, nên ngày 22/7/2024 bà V khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự; ông T – bà T1 có nơi cư trú tại huyện C, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Hợp đồng vay giữa hai bên có lập thành văn bản, thỏa thuận vay trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật, nên được xem là hợp đồng vay hợp pháp. Tuy nhiên, về vốn vay và lãi suất hai bên không thống nhất nhau, theo đó từng nội dung HĐXX xét thấy như sau:

[4.1]. Về vốn vay: Bà T1 thừa nhận chữ ký và chữ viết trong cam kết đến ngày 30/3/2024 trả nợ cho bà V 140.000.000 đồng là của vợ chồng bà tên Phan Văn T. Theo nội dung của Giấy cam kết này thể hiện số tiền 140.000.000 đồng và ghi bằng chữ “*Một trăm bốn mươi triệu*”, như vậy ông T – bà T1 phải có nghĩa vụ đối với khoản nợ mà mình đã ký nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà V xác định tiền vốn bà cho ông T – bà T1 vay chỉ 100.000.000 đồng chứ không phải 140.000.000 đồng, và bà yêu cầu ông T – bà T1 trả 100.000.000 đồng. Xét với yêu cầu của bà V phù hợp với thừa nhận của bà T1, nên được chấp nhận.

[4.2]. Về lãi suất: Bà T1 khai: *Trả lãi cho bà V từ khi vay (11/02/2020) đến tháng 9/2023 theo lãi suất mỗi tháng 6.000.000 đồng, tổng cộng 186.0000.000 đồng*, nhưng không được bà V thừa nhận và ngày 07/01/2025, Tòa án ban hành Thông báo số 93/TB-TA về yêu cầu cung cấp lời khai cùng giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ, nhưng bà T1 và ông T không cung cấp, nên khai nại này của bà T1 không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, tại Tòa qua động viên và giải thích của HĐXX bà Vi rút lại yêu cầu tính lãi. Xét việc bà Vi R yêu cầu tính lãi là tự nguyện và phù hợp với pháp luật, HĐXX đình chỉ yêu cầu này của bà V.

[5]. Về nghĩa vụ: Ông T – bà T1 là vợ chồng, bà T1 khai tiền vay của bà V là sử dụng vào mục đích kinh doanh chung, nên phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V theo Điều 288 Bộ luật Dân sự.

[6]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của bà V được chấp nhận, nên bà V không chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp. Riêng ông T – bà T1 phải cùng chịu án phí dân sự đối với nghĩa vụ của ông trả cho bà V 100.000.000 đồng, theo quy định tại các khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 288 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 244, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu khởi kiện của bà Hà Thị Tường V.

Buộc ông Phan Văn T – bà Đinh Thị Thanh T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hà Thị Tường V 100.000.000đồng.

Đình chỉ yêu cầu của bà Hà Thị Tường V về yêu cầu ông Phan Văn T – bà Đinh Thị Thanh T1 phải trả lãi từ ngày 22/7/2024 đến khi xét xử đối với khoản tiền 140.000.000đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Phan Văn T – bà Đinh Thị Thanh T1 phải cùng chịu 5.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. **Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới hoàn trả cho bà Hà Thị Tường V 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0023461 ngày 21/10/2024.**

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/4/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện Chợ Mới;
- THADS Chợ Mới để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- vp.

Lê Văn Huệ

